

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2026/HS-ST**

Ngày: 21/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Cương và ông Lê Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Vũ Phong - Kiểm sát viên và ông Đỗ Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2026/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Trần Hữu T1** (tên gọi khác: T), sinh ngày: 25/8/2002 tại thành phố H; số căn cước công dân: 046202012976; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: 3 N, phường A, thành phố H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu Quỳnh L, sinh năm 1975 và bà Lê Thị Thục Đ, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 20/12/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 năm về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tại bản án hình sự sơ thẩm số 384/2024/HS-ST.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2025, đến ngày 13/6/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Ngô Thị Thúy P** (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 12/5/1998 tại thành phố H; số căn cước công dân: 046198013132; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, phường T, thành phố H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn P1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1972; chồng: chưa có, con: 01 con sinh năm 2018; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2025, đến ngày 13/6/2025 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu T1: Ông Trần Đức V, sinh năm 1956 - Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Thúy P: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 - Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Người có quyền lợi, liên quan đến vụ án:

1. Anh Trần Trọng T2, sinh năm 1993. Địa chỉ: Lô E, khu Đ, phường P, thành phố H. Có mặt.

2. Bà Lê Thị Thục Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: 3 N, phường A, thành phố H. Có mặt.

3. Ông Trần Hữu Quỳnh L, sinh năm 1975. Địa chỉ: 3 N, phường A, thành phố H. Có mặt.

4. Anh Nguyễn Viết V1, sinh năm 1997. Địa chỉ: C P, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

5. Anh Phan Thanh S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường M, thành phố H. Vắng mặt.

6. Anh Huỳnh Quốc C1, sinh năm 2000. Địa chỉ: 0 U, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984. Địa chỉ: F Đ, phường T, thành phố H. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Trần Xuân B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ F, khu V, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P thuê phòng trọ và sống chung như vợ chồng tại số E kiệt A Hàn M, phường V, thành phố H. Cả hai bắt đầu hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 6/2024. T1 sử dụng số điện thoại 0777.577.528 và tài khoản Messenger tên “Trí Hữu T3”, còn P dùng số điện thoại 0777.577.529 và tài khoản Messenger tên “Thúy Phương” để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy. Giá tiền bán ma túy được cả hai thống nhất là mỗi viên ma túy kẹo bán với giá 300.000 đồng, một chাম ma túy khay bán với giá 1.200.000 đồng, nửa hộp năm ma túy khay bán với giá 2.500.000 đồng. P sử dụng tài khoản ngân hàng TMCP N1 (V2) số 1012479794 mang tên NGO THỊ THUY PHUONG, T1 sử dụng số tài khoản ngân hàng TMCP Q (MB) số 7588888812345 và tài khoản ngân hàng TMCP Q1 (V3) số 757512345 đều mang tên TRAN HUU TRI để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi đi bán ma túy xong và nhận tiền từ người mua ma túy thì P sẽ đưa lại tiền cho T1. Cứ vài ngày thì T1 sẽ đưa cho P từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để P tiêu xài cá nhân.

Khoảng hơn 16 giờ ngày 03/6/2025, P đang ở cửa hàng quần áo của mình tại địa chỉ F Đ, phường T, thành phố H thì nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0899.880.235 để đặt mua nửa hộp năm ma túy dạng khay thì đồng ý rồi báo cho

T1 biết. T1 bảo P lấy cái gối đang để trên ghế so-pha, lấy ra 02 gói nilong có chứa ma túy khay trong gối rồi bỏ vào bên trong vỏ bao thuốc lá hiệu 555 và lấy số điện thoại 0899.880.235 từ máy của P để lưu vào máy của mình và điều khiển xe mô-tô rời khỏi quán để đi giao bán ma túy.

Vào lúc 17 giờ ngày 03/6/2025, tại trước số nhà G H, phường V, thành phố H, Trần Hữu T1 khi đang chờ đối tượng mua ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại bãi đá xây dựng cách vị trí T1 đang ngồi trên xe mô tô mang biển kiểm soát 75F1-526.35 khoảng 03 mét 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu 555, bên trong có 02 túi ni lông màu trắng đều có chứa chất tinh thể rắn màu trắng được cuộn trong một mẫu giấy màu vàng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T1 và P tại phòng 309 của nhà trọ số E kiệt A Hàn M, phường V, thành phố H, Cơ quan điều tra thu giữ 05 bao thuốc lá hiệu 555 (các bao thuốc này có đặc điểm giống với vỏ bao thuốc lá mà cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt quả tang). Khám xét khẩn cấp tại số nhà F Đ, phường T, thành phố H, Cơ quan điều tra thu giữ tại vị trí trong gối để ở ghế so-pha tại phòng khách 01 gói ni lông bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng; tại giỏ đựng rác ở dưới kệ bếp phía sau nhà một túi ni lông màu trắng phía trên có dán băng keo đen, bên trên có dòng chữ “Ngiu S1” bên trong gồm có: 01 túi ni lông bên ngoài có chữ “Thịnh Phát” có 01 túi ni lông chứa 72 viên nén màu xám và 11 túi ni lông bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng, 01 cân điện tử tiểu ly và các bao gói nilong.

T1 khai nhận số ma túy bị thu giữ là mua của một người tên K ở tỉnh Quảng Bình (cũ) thông qua mối quan hệ ngoài xã hội nhưng không rõ nhân thân lai lịch, K sử dụng tài khoản Messenger tên "Khanh Tran" để liên lạc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, sau khi giao dịch xong thì T1 sẽ xóa tin nhắn. Mỗi lần T1 đặt mua ma túy K đều yêu cầu chuyển khoản trước, sau đó K giấu ma túy vào bên trong các hủ mắm và gửi theo đường xe khách Quảng Bình - Huế vào cho T1. T1 đã mua ma túy của K 02 lần, lần thứ nhất vào khoảng giữa tháng 5/2025 T1 mua nửa lạng ma túy khay và 50 viên ma túy kẹo với giá 37.000.000 đồng. T1 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Q (MB) số 0988000073 của K, số ma túy này T1 đã bán hết; lần thứ hai vào khoảng cuối tháng 5/2025, T1 mua 01 lạng ma túy khay và 100 viên ma túy kẹo với giá 64.000.000 đồng và T1 đã chuyển khoản cho K 03 lần hơn 50.000.000 đồng, số ma túy có được T1 đã bán một ít và số còn lại đã bị cơ quan điều tra phát hiện thu giữ.

Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P còn khai nhận đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều người tại thành phố H nhưng không nhớ thời gian, địa điểm cụ thể. Chỉ nhớ vào ngày 03/6/2025 bán 02 lần, 01 lần bán cho Phan Thanh S (sinh ngày 15/6/1987, trú tại: T, phường M, thành phố H) nửa hộp năm ma túy khay và 01 viên ma túy kẹo với giá 2.200.000 đồng và 01 lần bán cho Huỳnh Quốc C1 (sinh ngày: 01/11/2000, trú tại: 0 kiệt D đường U, phường V, thành phố H) nửa hộp năm ma túy khay và 02 viên ma túy dạng kẹo với giá 2.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) túi ni lông màu trắng, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (thu giữ của Trần Hữu T1);

- 01 (một) gói ni lông kích thước (13x8)cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng; 01 (một) túi ni lông bên ngoài có chữ “Thịnh Phát”, kích thước (18x16)cm bên trong chứa 01 (một) túi ni lông kích thước (13x8)cm chứa 72 viên nén màu xám và 11 (mười một) túi ni lông cùng kích thước (3x3)cm bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng (Thu giữ tại nơi làm việc của Ngô Thị Thúy P);

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu 555, đã qua sử dụng;

- 05 (năm) bao thuốc lá nhãn hiệu 555 chưa qua sử dụng;

- 01 cân điện tử tiểu ly và các bao gói nilong;

- 03 thiết bị camera hiệu Imou, đều đã qua sử dụng; ký hiệu từng thiết bị lần lượt là: 7G059AERAZEE227; 7M072A6PAZDE25C; 7G059AERAZ6347B;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số I: 357773242255280; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.529; máy đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số I: 352846112043443; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao: 0795.678.875;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Pro Max, số I: 358071243228193; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.528, máy đã qua sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đen, có gắn biển kiểm soát: 75F1-526.35, số máy: KF25E-0001680, số khung: RLHKF2508GY001632, xe đã qua sử dụng.

- Tại Kết luận giám định số 337/KL-KTHS ngày 07/6/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận:

“Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có tổng khối lượng là 2,5967 gam, là ma túy, loại Ketamine”.

- Tại Kết luận giám định số 348/KL-KTHS ngày 11/6/2025 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận:

“1. Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có khối lượng là 63,6781 gam, là ma túy, loại Ketamine;

2. 72 (Bảy mươi hai) viên nén đều có màu xám gửi giám định (nêu tại mục 1.2.1, phần II) có tổng khối lượng là 28,1835 gam, là ma túy, loại Methamphetamine và MDMA;

3. Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.2.2, phần II) có tổng khối lượng là 14,1478 gam, là ma túy, loại Ketamine. (Bí: 56, 61-62).

Sau khi giám định, Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- 2,4967 gam, là ma túy, loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói hoàn trả sau giám định được niêm phong kín bằng giấy và băng keo trong; bên ngoài có 02 chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Đắc D, 02 dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an thành phố H và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Hữu T1, bắt ngày 03/6/2025”.

- 63,5781 gam là ma túy, loại Ketamine; 27,9835 gam, là ma túy, loại Methamphetamine và MDMA; 14,0478 gam là ma túy, loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói hoàn trả sau giám định được niêm phong kín bằng túi niêm phong ký hiệu PS1, mã số: PS1A 053597; bên ngoài có 04 chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 04 chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Đắc D, 04 dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an thành phố H và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Thi hành lệnh khám xét nơi làm việc của Ngô Thị Thúy P, ngày 07/6/2025”.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSH-P1 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế đã truy tố các bị cáo Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Hữu T1 từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Xử phạt bị cáo Trần Hữu T1 từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2025.

Buộc bị cáo Trần Hữu T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn đồng).

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thúy P từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2025.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng với các bao bì, vật chứa đựng ma túy;

- Đối với 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu 555, đã qua sử dụng; 05 (năm) bao thuốc lá nhãn hiệu 555 chưa qua sử dụng, 01 cân điện tử tiểu ly và các bao gói nilong. Đây là các vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 03 thiết bị camera hiệu Imou, đều đã qua sử dụng; ký hiệu từng thiết bị lần lượt là: 7G059AERAZEE227; 7M072A6PAZDE25C, 7G059AERAZ6347B là tài sản của Trần Hữu T1, không sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là Trần Hữu T1;

- Đ (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số I: 357773242255280; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.529; máy đã qua sử dụng là tài sản của Ngô Thị Thúy P, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số I: 352846112043443; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao: 0795.678.875 là tài sản của Trần Hữu T1, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Pro Max, số I: 358071243228193; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.528, máy đã qua sử dụng là tài sản của Trần Hữu T1, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đen, có gắn biển kiểm soát: 75F1-526.35, số máy: KF25E-0001680, số khung: RLHKF2508GY001632, xe đã qua sử dụng, là tài sản của ông Trần Hữu Quỳnh L và bà Lê Thị Thục Đ. Ông L và bà Đ không biết việc bị cáo T1 sử dụng xe nhằm mục đích phạm tội do đó cần trả lại xe mô tô nêu trên cho ông L và bà Đ.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Hữu T1 phát biểu luận cứ bào chữa và thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Trần Hữu T1. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo T1 đã cung cấp thông tin về các đối tượng mua bán ma túy do đó cần phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra vì hoàn cảnh gia đình nên bị cáo chỉ đi học đến lớp 10 và phải đi làm kiếm thu nhập từ sớm để nuôi gia đình. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Thúy P phát biểu luận cứ bào chữa và thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo Ngô Thị Thúy P. Tuy nhiên, cần xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo là mẹ đơn thân, hiện đang nuôi con còn nhỏ tuổi và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo P cũng đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai nhận dạng các đối tượng mua ma túy, do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Bị cáo Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 6/2024. Vào lúc 17 giờ ngày 03/6/2025, tại trước số nhà G đường H, phường V, thành phố H, Trần Hữu T1 khi đang trên đường đi giao bán ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang. Tổng khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét khẩn cấp tại địa chỉ F Đ, phường T, thành phố H là 80,4226 gam ma túy, loại Ketamine và 28,1835 gam ma túy, loại Methamphetamine và MDMA.

Từ cuối tháng 6/2024 đến khi bị bắt, Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P đã cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người trên địa bàn thành phố H. Trong đó xác định được vào ngày 03/6/2025, bán cho Phan Thanh S nửa hộp năm ma túy khay và 01 viên ma túy dạng kẹo với giá 2.200.000 đồng và bán cho Huỳnh Quốc C1 nửa hộp năm ma túy khay và 02 viên ma túy dạng kẹo với giá 2.900.000 đồng

Số ma túy thu giữ của Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P gồm 28,1835 gam loại Methamphetamine và MDMA được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và 80,4226 gam loại Ketamine được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nên căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn) so với mức tối thiểu đối với Ketamine được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự: $80,4226g : 100g \times 100\% = 80,4\%$.

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine và MDMA so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine và MDMA được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự: $28,1835g : 30g \times 100\% = 94,2\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 chất là 174,6%, nên căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ xác định:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn) so với mức tối thiểu đối với Ketamine được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự: $80,4226g : 300g \times 100\% = 26,8\%$.

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine và MDMA so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine và MDMA được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự: $28,1835g : 100g \times 100\% = 28,1\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 chất là 54,9% là dưới 100% với mức tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế truy tố các bị cáo Trần Hữu T1 và Ngô Thị Thúy P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý về chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại đại phươg. Các bị cáo ý thức rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Trần Hữu T1 có nhân thân xấu. Bị cáo Ngô Thị Thúy P có nhân thân tốt;

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Hữu T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Thị Thúy P bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trần Hữu T1, Ngô Thị Thúy P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo T1, P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 và P đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bị cáo khai nhận dạng ra Phan Thanh S và Huỳnh Quốc C1 là các bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình trước đó nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định; đối với Phan Thanh S và Huỳnh Quốc C1 bị phát hiện thực hành vi phạm tội khác không liên quan về hành vi mua bán trái phép trong vụ án này nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng và đều có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo T1 là người trực tiếp liên hệ mua ma túy để bán nên có vai trò chính. Bị cáo Ngô Thị Thúy P là đồng phạm với vai trò giúp sức. Do đó khi quyết định hình phạt sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo để áp dụng hình phạt phù hợp.

[6]. Về hình phạt: Sau khi xem xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để các bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân. Đối với bị cáo Trần Hữu T1 đang trong thời gian thử thách của án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng tiếp tục phạm tội, do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử tiến hành tổng hợp hình phạt đối với bản án nêu trên.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, bản thân không có tài sản riêng có giá trị, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định; các bao bì, vật chứa đựng ma túy; 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu 555, đã qua sử dụng; 05 (năm) bao thuốc lá nhãn hiệu 555 chưa qua sử dụng, 01 cân điện tử tiểu ly và các bao gói nilong. Đây là các vật chứng các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng mặc khác ma túy là chất cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 03 thiết bị camera hiệu Imou, đều đã qua sử dụng; ký hiệu từng thiết bị lần lượt là: 7G059AERAZEE227; 7M072A6PAZDE25C, 7G059AERAZ6347B là tài sản của Trần Hữu T1, không sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng nên trả lại cho chủ sở hữu là Trần Hữu T1;

- Đ (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số I: 357773242255280; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.529; máy đã qua sử dụng là tài sản của Ngô Thị Thúy P, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số I: 352846112043443; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao: 0795.678.875 là tài sản của Trần Hữu T1, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Pro Max, số I: 358071243228193; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.528, máy đã qua sử dụng là tài sản của Trần Hữu T1, được sử dụng vào mục đích phạm tội và còn giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đen, có gắn

biển kiểm soát: 75F1-526.35, số máy: KF25E-0001680, số khung: RLHKF2508GY001632, xe đã qua sử dụng, là tài sản của ông Trần Hữu Quỳnh L và bà Lê Thị Thục Đ. Ông L và bà Đ không biết việc bị cáo T1 sử dụng xe nhằm mục đích phạm tội do đó cần trả lại xe mô tô nêu trên cho ông L và bà Đ.

[9]. Các vấn đề khác:

Bị cáo Trần Hữu T1 đã nhận 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy. Do đó cần phải buộc nộp sung ngân sách Nhà nước.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Hữu T1, Ngô Thị Thúy P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu T1, Ngô Thị Thúy P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2]. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Trần Hữu T1: Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Hữu T1 17 (Mười bảy) năm 06 (S2) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 (Một) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (Mười tám) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2025.

- Đối với bị cáo Ngô Thị Thúy P: Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị Thúy P 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/6/2025.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 2,4967 gam, là ma túy, loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói hoàn trả sau giám định được niêm phong kín bằng giấy và băng keo trong; bên ngoài có 02 chữ ký của Giám định viên Trần Nam, 02 chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Đắc D, 02 dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an thành phố H và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Trần Hữu T1, bắt ngày 03/6/2025”.

+ 63,5781 gam là ma túy, loại Ketamine; 27,9835 gam, là ma túy, loại Methamphetamine và MDMA; 14,0478 gam là ma túy, loại Ketamine và các vật liệu dùng để bao gói hoàn trả sau giám định được niêm phong kín bằng túi niêm phong ký hiệu PS1, mã số: PS1A 053597; bên ngoài có 04 chữ ký của Giám

định viên Trần Nam, 04 chữ ký của Điều tra viên Nguyễn Đắc D, 04 dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an thành phố H và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Thi hành lệnh khám xét nơi làm việc của Ngô Thị Thúy P, ngày 07/6/2025”.

+ 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu 555 đã qua sử dụng được niêm phong bằng túi, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên của Trần Hữu T1 và Điều tra viên Thái Công S3.

+ 05 (năm) bao thuốc lá nhãn hiệu 555 chưa qua sử dụng.

+ 01 (một) cân điện tử tiểu ly và các bao gói nilong hoàn trả sau giám định được niêm phong tín bằng túi niêm phong có mã số: PS1-23023601; bên ngoài có chữ ký ghi họ tên của Giám định viên Lê Văn T4, Điều tra viên Đỗ T5 và 02 dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an thành phố H.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max, số I: 357773242255280; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.529; máy đã qua sử dụng là tài sản của Ngô Thị Thúy P;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, số I: 352846112043443; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao: 0795.678.875 là tài sản của Trần Hữu T1;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Pro Max, số I: 358071243228193; bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0777.577.528, máy đã qua sử dụng là tài sản của Trần Hữu T1.

- Trả lại cho ông Trần Hữu Quỳnh L và bà Lê Thị Thục Đ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đen, có gắn biển kiểm soát: 75F1-526.35, số máy: KF25E-0001680, số khung: RLHKF2508GY001632, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Trần Hữu T1 03 (ba) thiết bị camera hiệu Imou, đều đã qua sử dụng; ký hiệu từng thiết bị lần lượt là: 7G059AERAZEE227; 7M072A6PAZDE25C, 7G059AERAZ6347B.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Phòng Thi hành dân sự Khu vực 1 - Huế ngày 25/3/2026).

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Hữu T1, Ngô Thị Thúy P; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Các vấn đề khác:

Buộc bị cáo Trần Hữu T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

[6]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1–Huế
- Phòng PV06 CA TP.Huế;
- CQĐT CA TP.Huế;
- CQ THAHS CA TP.Huế;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- TTG Công an thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến